

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ny 28/8/2025

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 – ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa pH toà: Ông Lò Văn Dinh.
- Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Nguyễn Khắc Thiện.
- Ông Tòng Văn Thanh.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Ông Phìn Đại Quảng – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 4 – Điện Biên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thùy Dương – Kiểm sát viên.

Trong các Ny 27 - 28 tháng 8 năm 2025, Tại trụ sở TAND khu vực 4 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 02/2024/TLST-DS Ny 14/11/2024 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS Ny 04/8/2025, quyết định hoãn pH tòa số: 01/2025/QĐST-DS Ny 20/8/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H – Sinh Ny 13/4/1955.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, xã N S, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, xã N S, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, xã N S, tỉnh Điện Biên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, trong quá trình giải quyết và tại pH tòa sơ thẩm bà Trần Thị H trình bày:**

Ny 14/11/2014 bà có cho bà Nguyễn Thị N trú tại tổ dân phố 4, thị trấn Mường Chà vay số tiền 60.000.000 đồng, lúc vay tiền giữa hai bên có viết giấy vay tiền với nhau cụ thể nội dung giấy vay tiền là Hạn vay 01 năm (12 tháng) tính lãi là 1,5%/ tháng (60.000.000 đồng x 1,5% = 900.000 đồng/ tháng) trả tiền lãi hàng tháng. Hết 01 năm sau, tức đến Ny 14/11/2015 bà N phải trả toàn bộ số nợ gốc 60.000.000 đồng cho bà. Đến Ny 14/11/2015 bà yêu cầu bà N trả lại số tiền nợ 60.000.000 đồng nhưng bà N nói là số tiền đó bà chưa cần dùng thì để cho bà N tiếp tục vay lại, bà đồng ý, nhưng hai bên không làm giấy tờ gia hạn với nhau.

Trong thời gian đó bà đến lấy tiền lãi hàng tháng, có lúc bà N trả tiền lãi hàng tháng cho bà, còn có lúc bà N nhờ bà T trả hộ tiền lãi cho bà. Cho đến tháng 11/2016 thì bà N không còn trả tiền lãi cho bà nữa, cho đến Ny 27/01/2017 bà đến đòi nợ thì bà N mới trả cho bà 10.000.000 đồng tiền nợ gốc, đến Ny 28/12/2017 bà đến đòi nợ chỗ bà N thì bà T mới trả hộ bà N 5.000.000 đồng tiền nợ gốc. Đến Ny 28/7/20218 bà đến đòi nợ thì bà T lại tiếp tục trả hộ bà N 5.000.000 đồng. Hiện tại bà N mới trả cho bà số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng. Bà N còn nợ bà 40.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi kể từ tháng 10/2016 đến nay. Việc bà N cho rằng số tiền đó bà đồng ý cho bà T vay lại sau khi bà N trả cho bà là không đúng. Đối với giấy vay tiền giữa tôi và bà T viết ký với nhau là đúng nhưng tôi chưa được đưa tiền cho bà T vay, việc bà N vay tiền bà thì bà N phải có trách nhiệm trả tiền cho bà. Giữa bà và bà T không liên quan đến việc bà N vay tiền bà, bà T chỉ liên quan đến việc trả nợ hộ bà N. Hiện bà N còn nợ 40.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn tiền lãi bà chỉ yêu cầu trả tiền lãi 0,75%/ tháng, tính từ tháng 10/2016 cho đến Ny Tòa án xét xử vụ án.

Vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị N trả tiền nợ gốc là 40.000.000 đồng, tiền lãi tính từ tháng 10/2016 cho đến Ny Tòa án xét xử vụ án là 40.000.000 đồng x 0,75% / tháng.

*** Bị đơn trong quá trình giải quyết cũng như tại pH tòa bà Nguyễn Thị N trình bày:**

Ny 14/11/2014 bà có được vay tiền của bà Trần Thị H 60.000.000 đồng, lúc vay tiền giữa hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, nội dung giấy vay tiền là hai bên có thỏa thuận với nhau thời hạn vay là 01 năm và tính lãi 1,5%/ tháng. Đến khi hạn vay tiền đã hết, bà có đem số tiền 60.000.000 đồng trả cho bà H thì lúc đó bà T cũng ở chỗ bà H, bà T hỏi vay tiền của bà H, bà H đồng ý, lúc đó có cả bà T, bà H và bà, cả ba người đồng ý để bà chuyển số tiền 60.000.000 đồng cho bà T vay lại tiền của bà H, lúc đó bà đã chuyển số tiền 60.000.000 đồng đó cho bà T, sau đó giữa bà T, bà H có làm giấy vay tiền với nhau. Kể từ Ny 15/01/2016 bà T đã trả tiền lãi cho bà H, còn bà T trả đến Ny tháng nào thì bà không biết. Do đó số tiền bà vay bà H 60.000.000 đồng được sự nhất trí của bà H và bà T nên bà đã chuyển số tiền đó cho bà T, hiện số tiền 60.000.000 đồng đó bà đã hết trách nhiệm trả nợ kể từ Ny 14/11/2015, bà T mới là người có trách nhiệm phải trả cho bà H. Vậy bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả tiền nợ là không đúng.

Bà không nhớ rõ Ny tháng nhưng trong năm 2017 bà H có đến đòi nợ với bà T, khi đó bà T không ở nhà, bà H nói giờ đang cần tiền nên bà H có hỏi vay tiền bà 10.000.000 đồng, bà đồng ý cho bà H vay 10.000.000 đồng, số tiền này bà cũng cho bà T vay tính vào tiền gốc bà T trả cho bà H. Bà sẽ yêu cầu bà T trả cho bà sau. Do tin tưởng bà H sau khi chuyển số tiền 60.000.000 đồng cho bà T, bà đã không yêu cầu bà H hủy hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) giữa bà và bà H Ny 14/11/2014, nên bà H lấy lý do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà trả tiền nợ. Hiện bà không còn nợ bất cứ tài sản gì của bà H. Vì bà đã thực hiện như hai bên đã thỏa thuận của Hợp đồng vay tài sản, bà đã hết trách nhiệm nghĩa vụ kể từ Ny 14/11/2015. Do vậy và yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) Ny 14/11/2014.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết và tại**

pH tòa bà Phạm Thị T trình bày:

Ny 14/11/2014 bà Nguyễn Thị N có vay tiền của bà Trần Thị H số tiền 60.000.000 đồng. Hạn vay 01 năm (12 tháng) tính lãi là 1,5%/ tháng trả tiền lãi hàng tháng. Lúc vay tiền giữa hai bên có viết giấy vay tiền với nhau. Sau khi hết hạn vay bà N đem số tiền 60.000.000 đồng để trả cho bà H thì bà có hỏi vay lại số tiền đó bà H đồng ý, khi đó có cả bà H, bà N và bà đồng ý, sau đó bà N đã chuyển số tiền 60.000.000 đồng cho bà, sau đó giữa bà và bà H có viết giấy vay tiền với nhau, nội dung trong giấy vay tiền thỏa thuận thống nhất với nhau hạn vay là 1 năm, lãi được tính 1,5%/ tháng trả tiền lãi hàng tháng. Sau vay tiền của bà H kể từ Ny 14/11/2015 đến 15/10/2016 bà đã trả tiền lãi cho bà H (được tính là 900.000 đồng x 10 tháng = 9.000.000 đồng) và bà đã trả tiền nợ gốc cho bà H 10.000.000 đồng và bà N đã cho bà vay 10.000.000 đồng trả tiền nợ gốc cho bà H. Nay bà còn nợ tiền gốc là 40.000.000 đồng và tiền lãi kể từ tháng 11/2016 cho đến nay.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 274; 275; 276; 370, 373; 375; 422; 463; 466 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố hủy hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) Ny 14/11/2014 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Trần Thị H, với nội dung vay tiền 60.000.000 đồng lãi suất 1,5%/ tháng.

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Trần Thị H, yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi kể từ Ny 10/2016 cho đến Ny Tòa án xét xử vụ án (lãi suất 0,75%/ tháng. 40.000.000 đồng x 0,75% / tháng).

- Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, theo quy định bà Trần Thị H là Nguyên đơn khởi kiện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên cho đến Ny Tòa án xét xử vụ án thì bà Trần Thị H đã trên 70 tuổi thuộc trường hợp người cao tuổi, tại pH tòa bà H xin miễn án phí, do đó căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Trần Thị H. Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại chi cục thi hành dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi ngH cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pH tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại pH tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn, bị đơn đều có hộ khẩu thường trú tại thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Hợp đồng

vay tài sản được thực hiện tại thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên. Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà theo quy định.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định bà Trần Thị H là nguyên đơn; bà Nguyễn Thị N là bị đơn, bà Phạm Thị T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và lãi suất là 0,75%/tháng kể từ tháng 10/2016 cho đến Ny Tòa án xét xử vụ án. Xét giấy vay tiền Ny 14/11/2014, số tiền vay 60.000.000 đồng, hạn vay là 01 năm (12 tháng) lãi suất 1,5% (900.000 đồng /tháng) trả tiền lãi hàng tháng.

Bà Trần Thị H và Nguyễn Thị N đều công nhận. Ny 14/11/2014 bà Trần Thị H có cho bà Nguyễn Thị N vay số tiền 60.000.000 đồng, lúc vay tiền giữa hai bên có viết giấy vay tiền với nhau, nội dung giấy vay tiền là hạn vay 01 năm (12 tháng) tính lãi là 1,5%/ tháng, trả tiền lãi hàng tháng (tiền lãi 900.000 đồng/tháng). **Kể từ Ny 14/11/2014 đến 14/11/2015 bà Nguyễn Thị N đã trả đầy đủ tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi hàng tháng cho bà Trần Thị H như đã thỏa thuận.**

Bà Trần Thị H cho rằng sau khi hết hạn vay như đã thỏa thuận thì bà N mới chỉ trả tiền nợ gốc cho bà H 20.000.000 đồng và tiền lãi là từ 15/12/2014 đến tháng 9/2016. Hiện bà N còn nợ bà H 40.000.000 đồng, nay bà khởi kiện yêu cầu bà N trả tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi được tính là 0,75%/ tháng kể từ tháng 10/2016 cho đến Ny Tòa án xét xử vụ án.

Bị đơn bà Nguyễn Thị N, sau khi hết hạn vay như đã thỏa thuận bà đem số tiền nợ gốc 60.000.000 đồng trả cho bà H, thì bà Phạm Thị T đã hỏi vay tiền của bà H, được sự nhất trí của bà H và bà T nên bà N đã chuyển số tiền 60.000.000 đồng này cho bà T, giữa bà H và bà T đã viết giấy vay nợ với nhau. Trong quá trình giải quyết cũng như tại pH tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà phạm Thị T đều công nhận, việc bà H khởi kiện đòi tiền nợ gốc 40.000.000 đồng là đúng, vì bà T đã trả 20.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi kể từ Ny 14/11/2015 đến Ny 15/10/2016 cho bà H, vậy người bà H có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc trả số tiền nợ trên là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị T, bà T là người có nghĩa vụ trả nợ của bên vay như đã thỏa thuận theo quy định tại 274; 275; 276; Điều 466 BLDS. Như vậy có đủ cơ sở khẳng định bà Nguyễn Thị N đã trả đủ tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi hàng tháng như đã thỏa thuận, bà N đã hết trách nhiệm, nghĩa vụ trả nợ kể từ Ny 14/11/2015 theo quy định tại Điều 422 BLDS.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại pH tòa bà H không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình, về việc có đồng ý hay không việc cho bà N chuyển số tiền 60.000.000 đồng cho bà T tiếp tục vay như lời khai của bà N, bà T.

Như vậy việc nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi kể từ tháng 10/2016 cho đến nay là chưa có đủ cơ sở.

Xét việc bị đơn bà Nguyễn Thị N yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng vay tài sản

(giấy vay tiền) Ny 14/11/2014. Theo lời khai của bị đơn bà N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà T. Bà N đã thực hiện đúng hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) giữa bà H và bà N. Sau khi bà N đem số tiền 60.000.000 đồng trả cho bà H. Bà H đồng ý cho bà N chuyển số tiền này cho bà T vay lại, như vậy có đủ cơ sở khẳng định bà N đã hoàn thành nghĩa vụ theo quy định Điều 373, 375 BLDS. Bà T cũng đã thực hiện nghĩa vụ trả tiền nợ gốc và lãi hàng tháng cho bà H kể từ Ny 14/11/2015 sau khi viết giấy vay tiền theo điều 274 BLDS. Vậy có cơ sở khẳng định bà N đã chuyển giao nghĩa vụ trả tiền nợ gốc 60.000.000 đồng và tiền lãi hàng tháng cho bà T kể từ Ny 14/11/2015 theo quy định tại 370 BLDS. Như vậy hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) Ny 14/11/2014 đã được hoàn thành kể từ Ny 14/11/2015 theo Điều 422 BLDS. Do đó việc bà N đề nghị hủy hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) Ny 14/11/2014 là có căn cứ.

[4] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia pH tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên tại pH tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[5] Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn không được chấp nhận, theo quy định bà Trần Thị H là Nguyên đơn khởi kiện phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Tuy nhiên cho đến Ny Tòa án xét xử vụ án thì bà Trần Thị H đã trên 70 tuổi thuộc trường hợp người cao tuổi, tại pH tòa bà H xin miễn án phí, do đó căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Trần Thị H. Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp tại Chi cục thi hành dân sự.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 274; 275; 276; 370, 373; 375; 422; 463; 466 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Tuyên hủy hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) Ny 14/11/2014 giữa bà Nguyễn Thị N và bà Trần Thị H với nội dung số tiền vay 60.000.000 đồng và lãi suất 1,5% /tháng (900.000 đồng/tháng).

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị H về yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/tháng kể từ tháng 10/2016 cho đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Trần Thị H.

Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 1.700.000 đồng (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001720, Ny 14/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Chà,

tỉnh Điện Biên.

Căn cứ Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ngày kể từ Ngày tuyên án, Ngày 28/8/2025.

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh ĐB;
- Chi cục THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Đình

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi.....giờ.....phút, Ngày 28 tháng 5 năm 2025.

Tại: Phòng nghị án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa pH tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Khắc Thiện.

2. Ông Tòng Văn Thanh.

Tiến hành nghị án vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 02/2024/TLST-DS Ny 14/11/2024 về việc tranh chấp quyền sử dụng đất.

- Nguyên đơn: Bà Trần Thị H - Sinh Ny 13/4/1955.

Địa chỉ: Tổ dân phố 7, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị N – Sinh năm: 1974.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Phạm Thị T.

Địa chỉ: Tổ dân phố 4, thị trấn Mường Chà, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại pH tòa, kết quả tranh tụng tại pH tòa, các quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU

Căn cứ: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 274; 275; 276; 370, 373; 375; 422; 463; 466 Bộ luật dân sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 Ny 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

- *Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.*

Tuyên xử:

1. Tuyên hủy hợp đồng vay tài sản (giấy vay tiền) Ny 14/11/2014 giữa bà Nguyễn thị N bà bà Trần Thị H với nội dung số tiền vay 60.000.000 đồng và lãi suất 1,5% /tháng (900.000 đồng/tháng).

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà trần Thị H về yêu cầu bà Nguyễn Thị N trả số tiền nợ gốc 40.000.000 đồng và tiền lãi 1,5%/ tháng kể từ tháng 10/2016 cho đến thời điểm Tòa án xét xử vụ án.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

3. Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch cho bà Trần Thị H.

Trả lại cho bà Trần Thị H số tiền 1.700.000 đồng (*một triệu bảy trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí bà H đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001720, Ny 14/11/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Căn cứ Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 Ny kể từ Ny tuyên án, Ny 28/5/2025.

Nghị án kết thúc vào hồi.....giờ.....phút, Ny 28 tháng 5 năm 2025.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA

Nguyễn Khắc Thiện Tòng Văn Thanh

Lò Văn Dinh

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PH TÒA

Mùa A Minh Nguyễn Khắc Thiện

Lò Văn Đình

Nơi nhận:

- VKSND huyện;
- TAND tỉnh ĐB;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa pH tòa

- Chi cục THA huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lò Văn Đình